Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 23.02.2021 08:44:20 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2021*

BÁO CÁO
Về việc tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính năm 2020

Thực hiện Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" và Công văn số 383/BNV-CCHC ngày 28/01/2021 về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh; theo đó tổng số điểm thực hiện đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là 100 điểm *(gồm tự đánh giá là 66,5 điểm và điều tra xã hội học là 33,5 điểm)*.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tự đánh giá và cập nhật các tài liệu kiểm chứng Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của tỉnh tại địa chỉ http://parindex.caicachhanhchinh.gov.vn với số điểm là 62,65/66,5 điểm.

(Chi tiết kết quả tự đánh giá kèm theo).

Kính báo cáo Bộ Nội vụ tổng hợp, thẩm định theo quy định./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Phòng KSTT;
- Lưu: VT. VP UBND tỉnh.

(VAN)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

CHI TIẾT CÁC TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2020 TỈNH TÂY NINH

(kèm theo Báo cáo số 117 /BC-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**	**8,5**	**8,5**	
1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC	1,5	1,5	
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	0,5	0,5	
1.3	Công tác Kiểm tra CCHC	2	2	
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong năm	1	1	
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	1	
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1	1	
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	2	2	
1.6	Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1,5	1,5	
2	**XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH**	**5**	**5**	
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (THPL)	2	2	
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	1	1	
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1	1	
2.2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)	1,5	1,5	
2.2.1	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	0,5	0,5	
2.2.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	1	1	
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	1,5	1,5	
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**13,5**	**13,324**	
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	1	1	
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0,5	0,5	
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0,5	0,5	
3.2	Công bố, công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ	3,5	3,5	
3.2.1	Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	0,25	0,25	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
3.2.2	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	0,25	0,25	
3.2.3	Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	0,75	0,75	
3.2.4	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	0,75	0,75	
3.2.5	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	0,75	0,75	
3.2.6	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh	0,75	0,75	
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3	3	
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	1	1	
3.3.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	0,5	0,5	
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	0,75	0,75	
3.3.4	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	0,75	0,75	
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	5	4,824	
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1,5	1,4255	
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1,5	1,4428	
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	0,9557	
3.4.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0,25	0,25	
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	0,75	0,75	
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1	1	
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	0,75	0,75	
3.5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	0,25	0,25	
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**	7	7	
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	3,5	3,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	1	1	
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	1,5	1,5	
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015	1	1	
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	2,5	2,5	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	0,5	0,5	
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	0,5	0,5	
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	1,5	1,5	
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	1	1	
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	0,25	0,25	
4.3.2	Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	0,25	0,25	
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	0,5	0,5	
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**7,5**	**7,25**	
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2,5	2,5	
5.1.1	Ban hành văn bản để hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	0,5	0,5	
5.1.2	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1	
5.1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1	
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	1	1	
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	0,5	0,5	
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	0,5	0,5	
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	0,5	0,5	
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0,25	0,25	
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0,25	0,25	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	0,75	0,75	
5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1,25	1	
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0,25	0,25	
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1	0,75	
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1	1	
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã	0,5	0,5	
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0,25	0,25	
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,25	0,25	
6	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**	**8**	**7,7084**	
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	3	2,7084	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1	0,9031	
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1	1	
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	0,8053	
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2	2	
6.2.1	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	0,5	0,5	
6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0,5	0,5	
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0,75	0,75	
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	0,25	0,25	
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	3	3	
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	0,5	0,5	
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0,5	0,5	
6.3.3	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	1	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	1	1	
7	**HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH**	**11**	**9,3958**	
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh	7,25	6,953	
7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	0,5	0,5	
7.1.2	Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	0,5	0,5	
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	1	1	
7.1.4	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	0,5	0,5	
7.1.5	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	1	1	
7.1.6	Thiết lập Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0,5	0,5	
7.1.7	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0,75	0,75	
7.1.8	Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công (DVC)	0,5	0,5	
7.1.9	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia	1	0,7043	
7.1.10	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	0,5	0,5	
7.1.11	Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	0,5	0,5	
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1,5	1,1928	
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ	0,5	0,4532	
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	1	0,7396	
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	1,25	0,25	
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0,25	0,25	
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0,5	0	
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	0,5	0	
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	1	1	
7.4.1	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 đúng quy định	0,5	0,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
7.4.2	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	0,5	0,5	
8	**TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH**	**6**	**4,4787**	
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1	1	
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh	2	1,4787	
8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1	0,4787	
8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	1	1	
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1	1	
8.5	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	1	1	
8.6	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	1	0	
	TỔNG ĐIỂM	**66,5**	**62,6569**	

CHI TIẾT CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN QUA ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC ĐỂ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC NĂM 2020

(kèm theo Báo cáo số 47 /BC-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
2	**XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH**	5		
2.4	Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành	5	0	
2.4.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1	0	
2.4.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1	0	
2.4.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1,5	0	
2.4.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1,5	0	
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**	**4,5**		
4.4	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	4,5	0	
4.4.1	Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh	1,5	0	
4.4.2	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh	1,5	0	
4.4.3	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện	1,5	0	
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**6**		
5.8	Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức	2	0	
5.8.1	Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1	0	
5.8.2	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1	0	
5.9	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	4	0	
5.9.1	Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1	0	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
5.9.2	Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1	0	
5.9.3	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	1	0	
5.9.4	Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1	0	
6	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**	**4**		
6.4	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	4	0	
6.4.1	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1	0	
6.4.2	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	1	0	
6.4.3	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1	0	
6.4.4	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1	0	
7	**HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH**	**4**		
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	4	0	
7.5.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1	0	
7.5.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của tỉnh	1	0	
7.5.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của	1	0	
7.5.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1	0	
8	**TÁC ĐỘNG CỦA CCHC**	**10**		
8.1	Kết quả Chỉ số hài lòng (SIPAS)	10	0	
8.1.1	Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ	1,5	0	
8.1.2	Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC	1,5	0	
8.1.3	Chỉ số hài lòng về công chức giải quyết TTHC	2,5	0	
8.1.4	Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC	2,5	0	
8.1.5	Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC	2	0	
	Tổng	**33,5**		